

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **151/2019/HS-PT**
Ngày 20-5-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thăng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lượng
Bà Phạm Thị Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 47/2019/HSPT ngày 16/01/2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn H và hai bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 129/2018/HS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện N.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1993 tại Đồng Nai;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai;
Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Ô; có vợ là Lê Thị Kiều O; có 01 con sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/4/2018 đến ngày 10/5/2018 được tại ngoại điều tra (có mặt).

2. Đoàn Văn L, sinh năm 1980 tại Sóc Trăng;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã G 2, huyện M, tỉnh S
Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Đoàn Văn N và bà Thái Thị P; có vợ là Nguyễn Thị T; có 01 con sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/5/2018 đến ngày 16/5/2018 được tại ngoại điều tra (có mặt).

3. Nguyễn Trung K, sinh năm 1992 tại thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai;

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị Q; có vợ là Lê Thị Triều T; có 02 con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2011);

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/4/2018 đến ngày 10/5/2018 được tại ngoại điều tra (có mặt).

Ngoài ra, còn có 03 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

Trong vụ án có người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H nguyên là công nhân của Công ty trách nhiệm hữu hạn H tại khu Công nghiệp N, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Do muốn có tiền tiêu xài nên H điện thoại rủ Đoàn Văn L (công nhân bộ phận vật liệu) và Nguyễn Trung K (công nhân bộ phận kho tổng) của Công ty H, trộm cắp cuộn P của Công ty đem bán cho H.

L rủ thêm Vũ Văn K1 (lái xe tải biển số 60LD-018.27 của Công ty trách nhiệm hữu hạn M Việt Nam thuộc Công ty H) để K đưa cuộn Pu.synthetic mà L và K trộm cắp được lên xe chở ra ngoài giao cho H.

L làm 01 phiếu xuất hàng giả rồi đưa cho K1 để K1 xuất trình cho bảo vệ khi ra cổng Công ty. Sau khi L, K và K1 lấy được hàng trộm cắp ra ngoài, K1 điện thoại cho H để hẹn địa điểm giao nhận hàng. H trực tiếp đi lấy tài sản trộm cắp hoặc điện thoại cho Nguyễn Văn Vũ L1 (em trai H) để L1 đi gặp K1 nhận tài sản trộm cắp và đưa đi bán. L1 rủ thêm Nguyễn Văn S (cậu của L1) cùng tham gia đưa số hàng trộm cắp được đi bán và chia nhau tiêu xài.

Với phương thức, thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 2018 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018, H và đồng phạm đã thực hiện 04 lần trộm cắp cuộn Pu.synthetic của Công ty H, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Khoảng tháng 02 năm 2018, H, L, K và K1 trộm cắp 01 cuộn Pu.synthetic màu đen dài 30m đem bán cho cho 01 người đàn ông (không rõ nhân thân, địa chỉ) với số tiền 3.000.000đ, H lấy 1.000.000đ, đưa cho L 2.000.000đ. L chia cho K 300.000đ, chia cho K1 200.000đ, còn lại 1.500.000đ L hưởng.

- Lần thứ hai: Vào ngày 27/3/2018, H, L, K1 tiếp tục trộm cắp của Công ty H 02 cuộn Pu.synthetic màu đen mỗi cuộn dài 40m. H điện thoại cho Nguyễn Văn Vũ L, nói L gặp K1 để lấy hàng đem đi bán. L điều khiển xe mô tô biển số

60C2-65966 và rủ 01 người thanh niên tên N (chưa rõ nhân thân) đi cùng L đến gặp K1 và nhận từ K1 02 cuộn Pu.synthetic đem đến điểm thu mua của anh Trần Văn T tại số nhà B, đường A, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh bán cho anh T. Anh T không biết số tài sản trên do trộm cắp mà có nên đồng ý mua với giá 12.200.000đ. L đưa tiền cho H, H lấy 7.200.000đ, chia cho L1 500.000đ và đưa cho L 5.000.000đ. L chia cho K 800.000đ, còn lại 4.200.000đ L hưởng; H được hưởng 6.700.000đ.

- Lần thứ ba: Vào ngày 29/3/2018, H, L, K, K1 trộm cắp 02 cuộn Pu.synthetic màu đen, trong đó 01 cuộn dài 40m và 01 cuộn dài 35m. H điện thoại cho L1 nói L1 gặp K1 để lấy hàng đem đi tiêu thụ. L1 rủ Nguyễn Văn S đi cùng để S ngồi sau xe mô tô biển số 60C2-659.66 giữ 02 cuộn Pu.synthetic đem bán cho anh Trần Văn T tại số nhà B, đường A, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Anh T không biết số cuộn Pu.synthetic màu đen trên do trộm cắp mà có nên đồng ý mua với giá 11.250.000đ. Trên đường về, L1 nói cho S biết 02 cuộn Pu.synthetic do trộm cắp mà có. Do H đang bận việc ở Cần Thơ nên H nhờ L1 trực tiếp đưa cho K 5.500.000đ, K chia cho L 1.400.000đ, K được hưởng 4.100.000đ. L chia cho K1 300.000đ, L được hưởng 1.100.000đ. H lấy 5.750.000đ, đưa cho L1 500.000đ, còn lại 5.250.000đ H hưởng. L1 nhận 500.000đ từ H, đem chia cho S 250.000đ, còn lại L1 hưởng 250.000đ.

- Lần thứ tư: Vào lúc 13 giờ 35 phút ngày 31/3/2018, H, L, K và K tiếp tục trộm cắp 4 cuộn Pu.synthetic (gồm 03 cuộn Pu.synthetic mỗi cuộn dài 40m và 01 cuộn Pu.synthetic dài 5m) của Công ty H. Sau đó, K1 điều khiển xe ô tô 60LD-018.27 chở tài sản nêu trên giao cho L1 và S tại ngã ba nhà thờ xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Lúc này, S đã biết rõ tài sản trên do phạm tội mà có, khi L điều khiển xe mô tô biển số 60C2-659.66 chở S và 4 cuộn Pu.synthetic đi đến khu vực ấp Đ, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai thì bị Công an xã P, huyện N kiểm tra hành chính phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Theo các kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 78.430.000đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 129/2018/HSST ngày 28/11/2018, Tòa án nhân dân huyện N quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (ba) năm tù.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Đoàn Văn L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K 02 (hai) năm tù.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/12/2018, bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 04/12/2018, bị cáo Nguyễn Trung K kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 04/12/2018, bị cáo Đoàn Văn L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 năm tù; xử phạt bị cáo Đoàn Văn L 02 năm 06 tháng tù và xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K 02 năm tù là phù hợp. Kháng cáo của các bị cáo không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Từ tháng 02/2018 đến tháng 3/2018, các bị cáo H, L, K, K1, L1 và S bốn lần thực hiện hành vi trộm cắp của Công ty H số lượng Pu.synthetic trị giá 78.430.000đ. Tòa án nhân dân huyện N xét xử các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

Trong vụ án này, H là người khởi xướng, rủ rê, giữ vai trò chính và hưởng lợi nhiều nhất. L giữ vai trò thứ hai, đồng thời, là người hưởng lợi nhiều sau H. K là đồng phạm, hưởng lợi thứ ba nhưng là người trực tiếp lấy trộm tài sản của Công ty.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ những tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (ba) năm tù, bị cáo Đoàn Văn L 02 năm 06 tháng tù, bị cáo Nguyễn Trung K 02 năm tù là phù hợp.

Hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương và gây hoang mang lo lắng trong xã hội. Việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để giáo dục, cải tạo, đồng thời, nhằm răn đe và phòng ngừa chung là cần thiết.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo cung cấp tài liệu thể hiện các bị cáo đã nộp tiền bồi thường thiệt hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, tình tiết này không đủ cơ sở chấp nhận cho các bị cáo được hưởng án treo.

Riêng đối với bị cáo L, ngoài việc bồi thường, khắc phục thiệt hại còn bổ sung tài liệu thể hiện việc trước đây đã có thời gian tham gia quân đội, hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương. Đây là những tình tiết mới, vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, đảm bảo tính công bằng, nhân đạo trong phân hóa tội phạm và xử lý trách nhiệm hình sự.

Do kháng cáo không được chấp nhận, bị cáo H và bị cáo K mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Kháng cáo được chấp nhận một phần, bị cáo L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 355, 356, 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Trung K. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 129/2018/HS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện N về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Trung K.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn L. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 129/2018/HS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện N về phần hình phạt đối với bị cáo Đoàn Văn L.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2018 đến ngày 10/5/2018.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Văn L 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 10/5/2018 đến ngày 16/5/2018.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2018 đến ngày 10/5/2018.

Về án phí: Căn cứ quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án,

Bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo Nguyễn Trung K mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND H. N;
- VKSND H. N;
- Cơ quan CSĐT CA H. N;
- Cơ quan THAHS CA H. N;
- Chi cục THADS H. N;
- Phòng PV06 Công an tỉnh;
- Các bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thắng